

Số: 469 /BC-CTK

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 7 năm 2022

## **BÁO CÁO** **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI** **THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

### **1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản**

*Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chăm sóc cây trồng vụ hè thu. Tình hình nước tưới thuận lợi làm tăng diện tích gieo trồng lúa so với cùng kỳ năm trước. Chăn nuôi gia súc chăn thả có chiều hướng phục hồi do đồng cỏ tự nhiên phát triển nhờ có nhiều cơn mưa lớn, nhưng mức độ tái đàn heo gặp khó khăn do giá thức ăn tăng cao. Sản lượng thủy sản khai thác biển giảm do lượng cá nổi giảm, bên cạnh là ảnh hưởng của thời tiết và giá xăng dầu đầu tháng cao, lượng tàu tham gia khai thác biển giảm; nuôi tôm thịt gặp khó khăn vì tiêu thụ; riêng sản xuất tôm giống phát triển ổn định.*

#### **a/ Nông nghiệp**

Tính đến ngày 15/7/2022, cả tỉnh gieo cấy được 15.747,7 ha lúa hè thu, tăng 43,6% so với cùng kỳ năm trước. Tiến độ gieo cấy lúa hè thu năm nay nhanh hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do nguồn nước tưới thuận lợi. Hiện nay, các trà lúa đã gieo cấy đang sinh trưởng, phát triển tốt; một số sâu bệnh có xuất hiện rải rác không đáng kể, được phòng trừ kịp thời, không lây lan.

Đến giữa tháng Bảy, các huyện cũng gieo trồng được 6.450 ha bắp (ngô), tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước; 153,2 ha khoai lang, tăng 36,2%; 599,1 ha đậu phộng (lạc), tăng 16,4%; 6.063,8 ha rau các loại, tăng 9,8%; 2.207,9 ha đậu các loại, tăng 5,5%.

Chuyển đổi cây trồng trong vụ hè thu 2022 đã thực hiện được 538,88 ha/ 530 ha, đạt 101,6% kế hoạch; gồm chuyển đổi trên đất lúa 186,78 ha (sang cây ngắn ngày 141,15 ha, cây dài ngày 45,53 ha); chuyển đổi trên đất khác 352,1 ha (sang cây ngắn ngày 233,8 ha, cây dài ngày 118,3 ha).

Vụ hè thu 2022, có 31 cánh đồng lớn được sản xuất với diện tích 4.241,3 ha, trong đó triển khai mới 01 cánh đồng bắp giống 60 ha tại huyện Ninh Phước; tiếp tục duy trì và mở rộng liên kết 30 cánh đồng với diện tích 4.181,3 ha (25

cánh đồng lúa 3.966,3 ha; 02 cánh đồng măng tây 55 ha và 01 cánh đồng bắp giống 80 ha; 01 cánh đồng nho 29,92 ha và 01 cánh đồng hành tím 50 ha).

Tình hình chăn nuôi trong tỉnh có chiều hướng phục hồi dần đối với gia súc có sừng do đồng cỏ tự nhiên phát triển nhờ nhiều cơn mưa lớn. Mức độ tái đàn heo gặp khó khăn do giá thức ăn tăng cao. Đối với đàn gia cầm nhận thấy hộ, gia trại chăn nuôi đơn lẻ đang dần thu hẹp lại, ít mở rộng, nhường chỗ cho số hộ và trang trại chăn nuôi theo chuỗi liên kết với các doanh nghiệp chăn nuôi lớn. Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trong tháng được kiểm soát tốt. Ước tính trong tháng Bảy, tổng số trâu của cả tỉnh tăng 0,9% so với cùng thời điểm năm 2021; tổng số bò tăng 0,6%; tổng số heo tăng 23,7%; tổng số dê, cừu tăng nhẹ 2%; tổng số gia cầm tăng 9,6%.

### ***b/ Lâm nghiệp***

Tình hình lâm nghiệp của tỉnh tháng Bảy chủ yếu tập trung vào công tác chăm sóc và bảo vệ rừng, không phát sinh diện tích rừng trồng mới và số cây lâm nghiệp trồng phân tán. Khai thác gỗ trong tháng chủ yếu thuộc hộ cá thể ước đạt 167,7 m<sup>3</sup>, giảm 2,3% so cùng kỳ; củi khai thác và thu nhập ước đạt 1.953,7 ster, tăng 4,3%.

Tính chung 7 tháng, cả tỉnh không phát sinh diện tích rừng trồng mới tập trung; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 26,6 nghìn cây, tăng 9,7%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1 nghìn m<sup>3</sup>, giảm 32%; sản lượng củi khai thác đạt 11,6 nghìn ste, tăng 2,5%.

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cao điểm vào mùa khô. Trong tháng Bảy có 1,4 ha rừng bị chặt phá; lũy kế 7 tháng đầu năm có 8 ha rừng bị thiệt hại, giảm 33,9% so với cùng kỳ năm trước, toàn bộ đều là rừng bị chặt, phá.

### ***c/ Thủy sản***

Trong tháng Bảy, sản lượng thủy sản cả tỉnh ước đạt 19.574,8 tấn, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 18.458 tấn, giảm 5,8%; tôm đạt 478,2 tấn, giảm 17,1%; thủy sản khác đạt 638,6 tấn, tăng 8%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước đạt 760,5 tấn, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 64 tấn, giảm 5,9%; tôm đạt 436 tấn, giảm 18,1%; thủy sản khác đạt 260,5 tấn, tăng 19,5%. Sản lượng nuôi trồng giảm do diện tích nuôi và thu tôm thẻ giảm so cùng kỳ. Sản lượng tôm thẻ chân trắng ước đạt 430 tấn, giảm 18,3%; tôm sú chưa thu hoạch.

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng ước đạt 18.814,3 tấn, giảm 5,6% so cùng kỳ năm trước, bao gồm cá đạt 18.394 tấn, giảm 5,8%; tôm đạt 42,2 tấn,

giảm 4,2%; thủy sản khác đạt 378,1 tấn, tăng 1,3%. Ngư trường tháng Bảy được dự báo có cá nổi xuất hiện dày, tuy nhiên qua giữa tháng vẫn chưa có cá nổi xuất hiện như mọi năm. Trong 10 ngày cuối tháng, khả năng cá nổi xuất hiện chậm, sản lượng khai thác không bằng cùng kỳ..

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 76,3 nghìn tấn, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5,5 nghìn tấn, tăng 1,7%; sản lượng khai thác đạt 70,8 nghìn tấn, giảm 5,2% (chủ yếu là sản lượng thủy sản khai thác biển).

Sản lượng giống thủy sản sản xuất tháng Bảy ước đạt 3.258 triệu con, tăng 4,8% so cùng kỳ năm trước; trong đó, tôm giống ước đạt 3.200 triệu con, tăng 2,9%. Hiện đang là mùa vụ sản xuất tôm giống chính trong năm nên các cơ sở sản xuất giống thủy sản trên địa bàn tỉnh hoạt động ương nuôi đồng loạt. Tính chung 7 tháng đầu năm, lượng giống sản xuất 24.200 triệu con, tăng 3,2%; trong đó tôm giống ước đạt 24.000 triệu con, tăng 2,5%.

## **2. Sản xuất công nghiệp**

*Sản xuất công nghiệp tháng Bảy mặc dù có sự phục hồi tăng trưởng của các ngành khai khoáng và chế biến chế tạo, nhưng ngành chủ chốt sản xuất và phân phối điện có mức tăng thấp, không ổn định nên IIP toàn ngành ước tính giảm 0,22% so với tháng trước và tăng 10,37% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất trong các năm 2019-2022<sup>1</sup>. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,38% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,88%, mức tăng thấp nhất các năm 2019-2022<sup>2</sup>.*

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2022 ước giảm 0,22% so với tháng trước và tăng 10,37% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 12,48%; chế biến, chế tạo tăng 15,12%; sản xuất và phân phối điện tăng 8,63%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,68%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, IIP ước tính tăng 6,38% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 36,83%). Trong đó, chế biến, chế tạo tăng 10,54%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,88%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,41%; riêng ngành khai khoáng giảm 7,32%. Tốc độ tăng IIP toàn ngành công nghiệp thấp hơn đáng kể so với

<sup>1</sup> Tốc độ tăng IIP Toàn ngành Công nghiệp tháng 7 so với cùng kỳ năm trước các năm 2019-2022 là: năm 2019 tăng 20,69%; năm 2020 tăng 21,83%; năm 2021 tăng 22,49%; năm 2022 tăng 10,37%.

<sup>2</sup> Tốc độ tăng IIP ngành SX và phân phối điện 7 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2019-2022 là: năm 2019 tăng 36,27%; năm 2020 tăng 146,78%; năm 2021 tăng 64,40%; năm 2022 tăng 5,88%.

cùng kỳ năm trước là do sản lượng ngành chủ lực sản xuất và phân phối điện đạt kịch trần công suất; năng lực mới tăng thấp, dẫn đến mức tăng chậm lại.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, nhiều ngành có chỉ số sản xuất 7 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: sản xuất trang phục tăng 18,88%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 16,16%; sản xuất đồ uống (chủ yếu bia đóng lon) tăng 12,52%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 10,66%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số sản xuất 7 tháng giảm hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm trước: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 16,02%; dệt tăng 1,21%; in, sao chép tăng 1,51%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,88%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 9,22%.

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu 7 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm trước: nước yến và nước bổ dưỡng khác tăng 86%; tôm đông lạnh tăng 39,5%; thạch nha đam tăng 31%; quần áo các loại tăng 22,4%; gạch nung các loại tăng 7,5%; điện sản xuất tăng 6,5% (trong đó, điện gió tăng 53,8%; điện mặt trời giảm 1,9%); bia đóng lon tăng 6%. Một số sản phẩm giảm: tinh bột sắn giảm 31,8%; đá xây dựng các loại giảm 22,8%; xi măng giảm 21,1%; muối biển khai thác giảm 19%; SX đường giảm 17,2%; hạt điều khô giảm 12%.

### **3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp**

*Trong 7 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 30,6% so với cùng kỳ năm 2021, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng 49,3%. Nhưng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể bất ngờ tăng 4,2% sau liên tiếp 6 tháng đầu năm giảm; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh tăng 33,1% so với cùng kỳ năm trước.*

Tính đến ngày 15/7/2022 đã có 303 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 11.814,4 tỷ đồng, tăng 30,6% số doanh nghiệp và số vốn đăng ký tăng 6 lần so cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một DN thành lập mới đạt 39 tỷ đồng.

Có 100 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 49,3% so cùng kỳ năm trước; có 137 doanh nghiệp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có 52 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 4,2% và có 165 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 33,1%.

Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đến ngày 15/7/2022, có 3.896 doanh nghiệp với số vốn 91.432,9 tỷ đồng.

### **4. Đầu tư**

*Trong tháng Bảy, tình tiếp tục đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2022 ước tính đạt 132,8*

tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước, nhưng so với cùng kỳ năm trước giảm 29%. Tính chung 7 tháng đầu năm, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 39,2% kế hoạch năm (cùng kỳ năm 2021 là 40,9%) và tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng trưởng cao nhất giai đoạn 2016-2022<sup>3</sup>.

Vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Bảy ước tính đạt 132,8 tỷ đồng, giảm 29% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh: 92,8 tỷ đồng, giảm 28,7%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện: 40 tỷ đồng, giảm 29,5%.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 972,9 tỷ đồng, tăng 26,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh: 584,6 tỷ đồng, tăng 4,3%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện: 388,3 tỷ đồng, tăng 86,8%. Nguyên nhân tăng là do các dự án trọng điểm đang thực hiện đúng theo tiến độ đã ký kết trong hợp đồng; đẩy nhanh các thủ tục để thực hiện nguồn vốn đầu tư công theo đúng tiến độ kế hoạch; tăng cường làm việc với các Ban quản lý dự án xây dựng chuyên ngành, các chủ đầu tư được giao vốn để giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc; điều chuyển vốn từ dự án triển khai chậm sang dự án có khả năng triển khai tốt hơn; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện vốn đầu tư công.

## **5. Thu, chi ngân sách Nhà nước<sup>4</sup>**

*Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu giảm mạnh kéo thu ngân sách tỉnh tiếp tục giảm. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, tổng thu ngân sách tỉnh đạt 65,9% dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước tập trung bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, y tế và quản lý Nhà nước.*

Thu ngân sách tỉnh trên địa bàn từ đầu năm đến thời điểm 31/7/2022 ước tính đạt 2.301,5 tỷ đồng, đạt 65,9% dự toán HĐND tỉnh giao và giảm 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: thu nội địa (không kể thu dầu thô) ước đạt 2.210,3 tỷ đồng, đạt 79,3% và tăng 8,4%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 91,2 tỷ đồng, đạt 18,2% và giảm 87,1%. Dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trở lại trạng thái bình thường, phát sinh doanh thu và thu nộp ngân sách. Riêng thu từ

<sup>3</sup> Tốc độ tăng/giảm Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý 7 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2022 là: năm 2016 tăng 9,8%; năm 2017 giảm 5,7%; năm 2018 tăng 3,7%; năm 2019 tăng 9,3%; năm 2020 tăng 20,8%; năm 2021 giảm 7,1%; năm 2022 tăng 26,3%.

<sup>4</sup> Nguồn: Sở Tài chính, Cục Thuế và Chi cục Hải quan.

hoạt động xuất nhập khẩu giảm mạnh do giảm máy móc thiết bị nhập khẩu sử dụng cho các dự án năng lượng giảm.

Tổng chi ngân sách Nhà nước (*không tính chi từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ*) ước tính đạt 3.574 tỷ đồng, đạt 56% dự toán năm.

## **6. Ngân hàng**

*Hoạt động tiền tệ, ngân hàng trên địa bàn trong tháng Bảy tiếp tục ổn định và an toàn. Huy động vốn và dư nợ tín dụng tiếp tục có sự tăng trưởng so với tháng trước và cuối năm 2021. Vốn tín dụng được tập trung đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, các chương trình tín dụng trọng điểm. Tỷ lệ nợ xấu vẫn trong tầm kiểm soát.*

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận, ước đến cuối tháng 7/2022: Nguồn vốn huy động trên địa bàn ước đạt 20.700 tỷ đồng, tăng 1,5% (tăng 301 tỷ đồng) so với tháng trước; tăng 11,1% (tăng 2.063 tỷ đồng) so với cuối năm 2021; đạt 99,2% kế hoạch năm 2022. Tổng dư nợ tín dụng ước đạt 36.350 tỷ đồng, tăng 3,1% (tăng 1.085,4 tỷ đồng) so với tháng trước; tăng 9% (tăng 3.014 tỷ đồng) so với cuối năm 2021; đạt 94,8% kế hoạch năm 2022. Dư nợ xấu trên địa bàn là 183 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,5% so với tổng dư nợ, tăng 4,4% so với tỷ lệ nợ xấu cuối tháng trước (số tuyệt đối tăng 7,7 tỷ đồng) và giảm 12,6% so với tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2021 (số tuyệt đối giảm 26,3 tỷ đồng).

## **7. Thương mại, giá cả, dịch vụ**

### ***a/ Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng***

*Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục sôi động, nhu cầu hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng tăng; du lịch, dịch vụ... phục hồi và tăng mạnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Bảy tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 87,6% so với cùng kỳ năm trước, đây là các mức tăng trưởng cao nhất trong các năm 2018-2022<sup>5</sup>. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2021, cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong các năm 2018-2022<sup>6</sup>.*

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Bảy ước tính đạt 2.812,8 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 87,6% so với

<sup>5</sup> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 so tháng 6 các năm 2018-2022 là: năm 2018 giảm 7,3%; năm 2019 giảm 1,5%; năm 2020 tăng 0,5%; năm 2021 giảm 29,1%; năm 2022 tăng 1,4%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 so cùng kỳ năm trước các năm 2018-2022 lần lượt là: tăng 14,5%; tăng 11%; tăng 13,1%; giảm 26,3%; tăng 87,6%.

<sup>6</sup> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2018-2022 lần lượt là: tăng 13,8%; tăng 24,2%; tăng 2,8%; tăng 8,9%; tăng 26,9%.

cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 2.249,7 tỷ đồng, tăng 1,3% và tăng 69,4%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 367,9 tỷ đồng, tăng 2% và tăng 233,7%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,8 tỷ đồng, tăng 12,2% và tăng 100%; doanh thu dịch vụ khác đạt 194,4 tỷ đồng, tăng 1,2% và tăng 217,5%. Tình hình dịch Covid-19 đã được kiểm soát, các hoạt động trong lĩnh vực du lịch được khôi phục, nhiều chương trình kết nối cung cầu, giao thương được tổ chức, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp dần phục hồi... đã tác động tích cực đến thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Nhu cầu tiêu dùng tăng, hàng hóa dồi dào, giá cả nhiều mặt hàng tăng do ảnh hưởng của biến động giá xăng dầu, giá nguyên, nhiên, vật liệu trên thị trường thế giới. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh thương mại tổ chức bán hàng khuyến mãi trong dịp hè; tại siêu thị Co.opmart, VinMart, trung tâm Điện Máy Xanh ... khuyến mãi theo nhiều hình thức nhằm kích cầu tiêu dùng. Trong tháng, do là tháng hè, những điểm du lịch biển của tỉnh thu hút được một lượng khá lớn khách du lịch nội tỉnh và ngoại tỉnh đến vui chơi cũng tác động làm doanh thu hoạt động khách sạn-nhà hàng tăng.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 18.430,9 tỷ đồng, tăng 26,9% so cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành hoạt động 7 tháng đầu năm nay: *Doanh thu bán lẻ hàng hóa* ước tính đạt 14.932,7 tỷ đồng, chiếm 81,0% tổng mức và tăng 25,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lương thực, thực phẩm tăng 13,4%; may mặc tăng 9,4%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 30,7%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 20,7%; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) tăng 15,2%. *Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống* ước tính đạt 2.194 tỷ đồng, chiếm 11,9% tổng mức và tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước. *Doanh thu du lịch lữ hành* ước tính đạt 2,5 tỷ đồng, chiếm 0,01% và tăng 83,7%. *Doanh thu dịch vụ khác* ước tính đạt 1.301,7 tỷ đồng, chiếm 7,1% và tăng 32%.

#### ***b/ Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ***

*Giá nguyên, nhiên vật liệu nhập khẩu, chi phí logistics, chi phí sản xuất tiếp tục tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2022 tăng 0,62% so với tháng trước và tăng 3,33% so với tháng 12/2021, đều là các mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2017-2022<sup>7</sup>. Bình quân 7 tháng đầu*

<sup>7</sup> Tốc độ tăng CPI tháng Bảy so với tháng trước của các năm giai đoạn 2017-2022 lần lượt là: tăng 0,06%; giảm 0,07%; tăng 0,09%; tăng 0,45%; tăng 0,59%; tăng 0,62%.

Tốc độ tăng CPI tháng Bảy so với tháng 12 năm trước của các năm giai đoạn 2017-2022 lần lượt là: tăng 1,30%; tăng 1,40%; tăng 1,20%; tăng 2,21%; tăng 1,25%; tăng 3,33%.

*năm 2022, CPI tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất trong 3 năm (2020-2022) xảy ra dịch bệnh Covid-19<sup>8</sup>.*

Trong mức tăng 0,62% của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2022 so với tháng trước có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có CPI tăng, trong đó: nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng tăng nhiều nhất với 1,24% do giá xăng dầu và chi phí sản xuất tăng; so với tháng trước, giá vải các loại tăng 2,43%; quần áo may sẵn tăng 1,30%; khăn quàng, găng tay, bút tất tăng 4,08%; mũ nón tăng 1,28%; giày dép tăng 0,49%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,24% chủ yếu do các nguyên nhân sau: giá nhà ở thuê tăng 1,21% do nhu cầu thuê nhiều đã đẩy giá mặt hàng này tăng so với tháng trước; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,35% do chi phí sản xuất tăng, nhu cầu xây dựng nhiều vào mùa xây dựng đã làm cho một số mặt hàng một số sản phẩm vật liệu xây dựng khác tăng đã làm cho giá xi măng, đá, cát, gạch xây dựng... tăng cao so với tháng trước; nhu cầu tiêu dùng nhiều vào mùa nắng nóng đã làm cho giá điện tăng 2,49%, nước tăng 0,60% so với tháng trước. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,08% do giá lương thực tăng 0,55%<sup>9</sup>; giá thực phẩm tăng 1,29%<sup>10</sup>; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,89%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,70% tập trung chủ yếu ở mặt hàng đồ dùng cá nhân tăng 0,57%; dịch vụ cắt tóc, gội đầu tăng 3,39%; phí vệ sinh môi trường tăng 1,88% so với tháng trước. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,52%, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng: thiết bị khác (máy tính, ổ áp) tăng 0,51%; đồng hồ treo tường tăng 1,36%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,75%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,29%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 2,46% do chi phí vận chuyển và sản xuất tăng. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,38% do giá một số mặt hàng sách, báo, tạp chí tăng 0,24%; dịch vụ văn hóa tăng 0,83%; giá thiết bị dụng cụ thể thao tăng 0,61% do chi phí sản xuất và vận chuyển tăng; giá hoa tươi tăng 2,12% do nguồn cung giảm; giá du lịch trọn gói tăng 0,34%; giá khách sạn tăng 0,17% do nhu cầu tăng. Nhóm bưu chính, viễn thông tăng 0,25%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%. 2/11 nhóm có CPI không thay đổi: đồ uống và thuốc lá; giáo dục. Nhóm duy nhất có CPI giảm là giao thông với mức giảm 1,42%, chủ yếu do giá xăng được điều chỉnh giảm

<sup>8</sup> Tốc độ tăng CPI bình quân 7 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2020-2022 lần lượt là: tăng 5,19%; tăng 3,10%; tăng 3,01%.

<sup>9</sup> Trong đó, giá gạo tăng 0,71% do kết thúc vụ đông xuân nên nguồn cung giảm dần.

<sup>10</sup> Trong đó, giá thịt heo tăng 2,86% (do thời gian trước gặp dịch bệnh, nhiều trại nuôi bán heo mới chỉ 60-80kg. Đến nay, nguồn cung thiếu hụt đẩy giá heo hơi tăng), thịt bò tăng 0,64%, gia cầm tăng 1,75%, thịt chế biến tăng 0,94%, trứng các loại tăng 1,66%. Thời tiết nắng nóng kéo dài, chi phí sản xuất tăng, nguồn cung giảm đã làm cho giá rau các loại tăng 2,96%, quả tươi các loại tăng 0,39%, thủy sản tươi sống tăng 0,34%, thủy sản chế biến tăng 0,30% so với tháng trước. Giá nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển tăng tác động giá sữa, bơ, phô mai tăng 0,68%; bánh, kẹo tăng 2,76%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,73% so với tháng trước.



vào ngày 01/7/2022, ngày 11/7/2022 và ngày 21/7/2022; so với tháng trước, giá nhiên liệu giảm 7,08%.

CPI tháng 7/2022 tăng 3,33% so với tháng 12/2021 và tăng 4,10% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước.

Giá vàng biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, chỉ số giá vàng tháng 7/2022 giảm 2,24% so với tháng trước và tăng 2,60% so cùng kỳ năm trước. Giá đô la Mỹ tăng 0,75% so với tháng trước và tăng 3,79% so cùng kỳ năm trước.

### ***c/ Vận tải hành khách và hàng hóa***

*Hoạt động vận tải trong tình tháng 7/2022 tiếp tục xu hướng khôi phục mạnh trở lại với mức tăng 20,6% lượng hành khách vận chuyển và tăng 34,1% lượng hàng hóa vận chuyển so với tháng trước. Tính chung 7 tháng đầu năm, vận chuyển hành khách tăng 51% và vận chuyển hàng hóa tăng 37,9% so cùng kỳ năm trước.*

Vận tải hành khách tháng Bảy ước đạt 0,6 triệu lượt hành khách vận chuyển, tăng 20,6% so với tháng trước và luân chuyển 45 triệu lượt hành khách.km, tăng 16,9%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, vận tải hành khách đạt 3,4 triệu lượt hành khách vận chuyển, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 253,1 triệu lượt hành khách.km, tăng 46,8%. Toàn bộ là hoạt động vận tải đường bộ trong nước.

Vận tải hàng hóa trong tháng ước đạt 1,4 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 34,1% so với tháng trước và luân chuyển 94,9 triệu tấn.km, tăng 32,1%. Lũy kế 7 tháng, vận tải hàng hóa đạt 5,5 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 37,9% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 401,6 triệu tấn.km, tăng 35,2%. Toàn bộ là hoạt động vận tải đường bộ trong nước.

## **8. Một số vấn đề xã hội**

### ***a/ Lao động, việc làm***

Trong tháng, đã tư vấn giới thiệu việc làm cho 4.320 lượt người, nâng tổng số người được tư vấn, giới thiệu việc làm và tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề cho người tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong 7 tháng đầu năm là 13.548/15.000 lượt người, đạt tỷ lệ 90,3%; kết nối việc làm được 80 người, nâng tỷ lệ lao động tìm được việc làm qua Trung tâm Dịch vụ việc làm đến tháng 7/2022 là 330/1.000 người, đạt 33%.

Số người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp trong tháng là 626 hồ sơ, số có Quyết định là 632 hồ sơ, với kinh phí chi trả hơn 11,6

tỷ đồng; nâng tổng số hồ sơ có Quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp 7 tháng đầu năm lên 2.676 người, với số tiền chi hơn 46,2 tỷ đồng.

### ***b/ Đòi sống dân cư, công tác an sinh xã hội***

Trong tháng Bảy, công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách Người có công với cách mạng, các hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội, người cao tuổi,... tiếp tục được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Tình hình dịch Covid-19 đã được kiểm soát, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp dần phục hồi... Đòi sống dân cư ổn định.

Hỗ trợ nhà ở cho 07 hộ gia đình người có công do Tổng Cty Dầu khí Việt Nam hỗ trợ. Phối hợp BCH. Quân sự tỉnh quy tập hài cốt liệt sĩ đưa về an táng tại Nghĩa trang Liệt sĩ: 04 liệt sĩ, nâng tổng số lên 1.140 Liệt sĩ.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng Bảo trợ xã hội tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh. Tổng số đối tượng đang quản lý và nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh: 249/80 nữ. Trong đó: Người cao tuổi: 15/10 nữ; Trẻ mồ côi: 43/24 nữ; Người tâm thần: 191/46 nữ; 01 đối tượng bảo vệ khẩn cấp chưa phân loại.

### ***c/ Giáo dục***

Tổ chức kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT, THPT Dân tộc nội trú và THPT chuyên (kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT) trên địa bàn tỉnh, diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Kỳ thi năm nay, toàn tỉnh có 5.991 thí sinh đăng ký dự thi tại 16 điểm thi, với 259 phòng thi.

Tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 diễn ra thành công, an toàn, đúng quy chế. Kỳ thi năm nay toàn tỉnh có 5.900 thí sinh đăng ký dự thi. Tại các điểm thi, tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông trong suốt kỳ thi được đảm bảo. Thí sinh đến các điểm thi từ sớm, thực hiện nghiêm túc nội quy phòng thi; lãnh đạo, giám thị, nhân sự các điểm thi làm tốt nhiệm vụ, đảm bảo kỳ thi diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Các hoạt động “Tiếp sức mùa thi” được Tỉnh đoàn triển khai bài bản, góp phần đảm bảo kỳ thi diễn ra an toàn, hiệu quả.

### ***d/ Chăm sóc sức khỏe cộng đồng***

Trong tháng 7/2022 cấp mã số 02 ca nhiễm Covid-19 mới có địa chỉ tại TP. Phan Rang - Tháp Chàm, không có trường hợp tử vong do Covid-19. Tính từ ngày 01/01/2022 đến 18/7/2022, toàn tỉnh có 2.996 người mắc Covid-19, 07 trường hợp tử vong.

Công tác giám sát được duy trì thường xuyên tại các tuyến. Tính đến ngày 18/7/2022: toàn tỉnh có 133 trường hợp mắc Sốt xuất huyết, giảm 21,8% so với cùng kỳ (133/170); 27 trường hợp mắc Tay chân miệng, giảm 50% so với cùng

kỳ năm 2021 (27/54); các bệnh dịch truyền nhiễm khác chỉ mắc tản phát.

#### ***d/ Văn hóa, thể thao***

Tổ chức Lễ khai mạc hè, ngày Olympic trẻ em và phát động toàn dân tập luyện môn bơi, phòng chống đuối nước năm 2022. Đây là hoạt động thiết thực nhằm nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức sinh hoạt hè; tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; định hướng cho trẻ em tham gia vào các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh để rèn luyện thể lực, nâng cao trí lực, phát triển toàn diện. Đồng thời, đào tạo cho các em kỹ năng sống, đặc biệt chú trọng kỹ năng bơi an toàn, phòng chống đuối nước, nhất là trong dịp hè.

Tổ chức “Lễ hội cầu ngư năm 2022” tại huyện Thuận Nam, thu hút đông đảo ngư dân và du khách đến dự và tìm hiểu về văn hóa truyền thống đặc sắc của ngư dân vùng biển. Thông qua lễ hội để cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, ngư dân luôn được no ấm; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để giúp ngư dân thắt chặt tình đoàn kết, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong khai thác ngư trường an toàn, đạt sản lượng cao. Đây là lễ hội đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp bằng chứng nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

#### ***e/ Tai nạn giao thông***

*Tình hình tai nạn giao thông tháng Bảy tăng cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết và số người bị thương) so với tháng trước; nhưng lũy kế 7 tháng đầu năm lại giảm cả 3 tiêu chí.*

Trong tháng (từ ngày 15/6/2022 đến ngày 14/7/2022), xảy ra 13 vụ tai nạn giao thông, làm 05 người chết, 12 người bị thương. **So với tháng trước**, số vụ tai nạn giao thông tăng 30% (tăng 03 vụ); số người chết tăng 25% (tăng 01 người) và số người bị thương tăng 50% (tăng 04 người). **So với cùng kỳ năm trước**, số vụ tai nạn giao thông tăng 44,4% (tăng 04 vụ); số người chết không tăng không giảm và số người bị thương tăng 71,4% (tăng 05 người).

Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 79 vụ tai nạn giao thông (gồm 78 vụ đường bộ và 01 vụ đường sắt), làm 30 người chết, 73 người bị thương. **So với cùng kỳ năm trước**, số vụ tai nạn giao thông giảm 9,2% (giảm 08 vụ); số người chết giảm 25% (giảm 10 người) và số người bị thương giảm 8,7% (giảm 07 người). Bình quân 2,7 ngày trong tháng xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông.

***g/ Tình hình cháy, nổ***

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy, không thiệt hại về người, tài sản thiệt hại khoảng 40 triệu đồng. So với tháng trước, số vụ cháy tăng 01 vụ; thiệt hại về người không tăng không giảm; thiệt hại về tài sản tăng 40 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy tăng 01 vụ; thiệt hại về người không tăng không giảm; thiệt hại về tài sản tăng 40 triệu đồng.

Lũy kế 07 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy; không có thiệt hại về người; tài sản thiệt hại 192 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy không tăng không giảm; thiệt hại về người không tăng không giảm; thiệt hại về tài sản giảm 6,6 triệu đồng.

***h/ Thiệt hại do thiên tai***

Trong tháng Bảy, trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ thiên tai, không tăng không giảm so với tháng trước và so cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 07 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ thiên tai, không tăng không giảm so với cùng kỳ năm trước; không thiệt hại về người, không tăng không giảm so với cùng kỳ năm trước; tài sản thiệt hại 65 triệu đồng./.

***Nơi nhận:***

- Vụ TK Tổng hợp và Phổ biến thông tin TK (b/c);
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng, Chi cục thuộc CTK;
- Lưu: VT, TH.

**CỤC TRƯỞNG**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hương**



# KINH TẾ - XÃ HỘI

Tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2022



## SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

ƯỚC GIÊU TRỒNG VỤ HÈ THU 2022

Tổng diện tích: 28.208,6 ha ▲ 5,3%



Lúa: 15.747,7 ha ▲ 8,2%    Bắp: 3.684,7 ha ▲ 12,2%    Rau, đậu, hoa: 4.512,2 ha ▲ 0,3%

### Số lượng gia súc, gia cầm tháng 7/2022 (so với cùng thời điểm năm trước)

▲ 0,9%



Đàn trâu

▲ 0,6%



Đàn bò

▲ 23,7%



Đàn heo

▲ 2%



Đàn dê, cừu

▲ 9,6%



Đàn gia cầm

### Thủy sản và Lâm nghiệp 7 tháng đầu năm



Tổng sản lượng hải sản

76.289,7 tấn ▼ 4,7%



Sản lượng khai thác

70.773,7 tấn ▼ 5,2%



Sản lượng nuôi trồng

5.516 tấn ▲ 1,7%



Sản lượng gỗ

1.037,7 m<sup>3</sup>  
▼ 32%



Sản lượng củi

11.653,7 ste  
▲ 2,5%

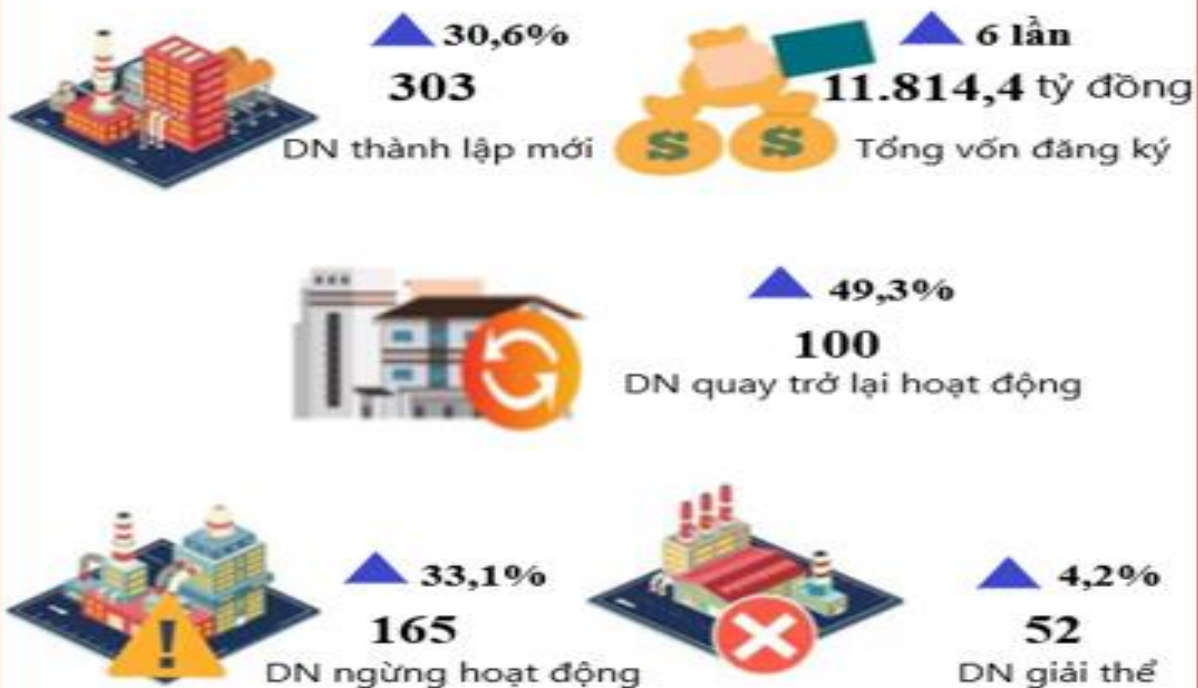
## SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp tháng Bảy mặc dù có sự phục hồi tăng trưởng của các ngành khai khoáng và chế biến chế tạo, nhưng ngành chủ chốt sản xuất và phân phối điện có mức tăng thấp, không ổn định nên IIP toàn ngành ước tính giảm 0,22% so với tháng trước và tăng 10,37% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất trong các năm 2019-2022. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,38% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,88%, mức tăng thấp nhất các năm 2019-2022

Chỉ số sản xuất Công nghiệp (IIP) tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)



## TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



## VỐN ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý 7 tháng đầu năm 2022  
(so với cùng kỳ năm 2021)

**972,9** tỷ đồng ▲ **26,3%**



## TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 7 THÁNG NĂM 2022

(so với cùng kỳ năm 2021)

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục sôi động, nhu cầu hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng tăng; du lịch, dịch vụ... phục hồi và tăng mạnh. Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2021, cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong các năm 2018-2022.



## HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI

7 tháng đầu năm 2022

**3,4** triệu hành khách  
▲ 51,0%



**5,5** triệu tấn hàng hóa  
▲ 37,9%



Vận chuyển  
bằng đường bộ

**253,1** triệu lượt HK.km  
▲ 46,8%

**401,6** triệu tấn HH.km  
▲ 35,2%

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ  
**884,2** tỷ đồng ▲ 43,9%

## TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

7 tháng đầu năm 2022



**78** vụ TNGT đường bộ  
▼ 9 vụ



**01** vụ TNGT đường sắt

**30** người chết  
▼ 10 người



**73** người bị thương  
▼ 07 người



**03** vụ cháy  
Tổng thiệt hại ước tính  
**192** triệu đồng



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THỐNG KÊ TỈNH NINH THUẬN**

**SỐ LIỆU  
BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI  
THÁNG 7 NĂM 2022**

**Tỉnh Ninh Thuận**

## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 7 năm 2022

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<i>Ha</i>			
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm</b>			
<b>Lúa</b>	<b>28.352,4</b>	<b>33.623,3</b>	<b>118,6</b>
Lúa Đông xuân	17.388,7	17.875,6	102,8
Lúa Hè thu	10.963,7	15.747,7	143,6
<b>Một số loại cây khác</b>			
Ngô	5.379,0	6.450,0	119,9
Khoai lang	112,5	153,2	136,2
Lạc	514,5	599,1	116,4
Rau các loại	5.524,8	6.063,8	109,8
Đậu các loại	2.093,6	2.207,9	105,5

**1B. Sản lượng thủy sản tháng 7 năm 2022**

	Thực hiện tháng 7 năm 2021 (Tấn)	Ước tính tháng 7 năm 2022 (Tấn)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022 (Tấn)	tháng 7 năm 2022 so cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>20.757,1</b>	<b>19.574,8</b>	<b>76.289,7</b>	<b>94,3</b>	<b>95,3</b>
Cá	19.589,4	18.458,0	67.997,6	94,2	93,6
Tôm	576,5	478,2	3.007,6	82,9	87,3
Thủy sản khác	591,2	638,6	5.284,5	108,0	134,8
<b>Sản lượng thủy sản nuôi trồng</b>	<b>818,5</b>	<b>760,5</b>	<b>5.516,0</b>	<b>92,9</b>	<b>101,7</b>
Cá	68,0	64,0	580,5	94,1	99,2
Tôm	532,5	436,0	2.798,0	81,9	88,8
Thủy sản khác	218,0	260,5	2.137,5	119,5	126,5
<b>Sản lượng thủy sản khai thác</b>	<b>19.938,6</b>	<b>18.814,3</b>	<b>70.773,7</b>	<b>94,4</b>	<b>94,8</b>
Cá	19.521,4	18.394,0	67.417,1	94,2	93,5
Tôm	44,0	42,2	209,6	95,8	71,4
Thủy sản khác	373,2	378,1	3.147,0	101,3	141,1

## 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 năm 2022

%

	Tháng 6 năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021	Tháng 7 năm 2022 so với tháng trước	Tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm trước
<b>Toàn ngành công nghiệp</b>	<b>105,99</b>	<b>99,78</b>	<b>110,37</b>	<b>106,38</b>
<b>Khai khoáng</b>	<b>125,43</b>	<b>108,72</b>	<b>112,48</b>	<b>92,68</b>
Khai khoáng khác	125,43	108,72	112,48	92,68
<b>Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>94,34</b>	<b>116,65</b>	<b>115,12</b>	<b>110,54</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	82,34	135,07	114,83	116,16
Sản xuất đồ uống	130,59	95,15	93,05	112,52
Dệt	84,15	103,99	101,61	101,21
Sản xuất trang phục	145,13	101,53	165,00	118,88
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	118,39	99,57	131,67	113,38
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	108,65	97,44	125,52	109,22
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-	-	-	-
In, sao chép bản ghi các loại	134,80	106,36	174,54	101,51
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	33,33	166,67	142,86	100,00
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	71,84	103,16	92,85	91,56
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	75,21	98,91	111,58	83,98
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	107,97	97,72	117,02	105,12
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	0,00	0,00	0,00	162,95
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	110,89	99,95	134,09	110,66
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	120,38	100,28	134,88	115,16
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	115,60	100,10	130,19	108,34
<b>Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí</b>	<b>110,06</b>	<b>93,10</b>	<b>108,63</b>	<b>105,88</b>
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	110,06	93,10	108,63	105,88
<b>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải</b>	<b>105,11</b>	<b>99,76</b>	<b>101,68</b>	<b>103,41</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	101,73	99,67	101,71	103,77
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	114,69	99,99	101,60	102,48

### 3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7 năm 2022

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 6 năm 2022	Ước tính tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	Cộng dồn tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tên sản phẩm</b> (Theo ngành sản phẩm)						
Đá xây dựng khác	Nghìn m <sup>3</sup>	62,4	84,8	505,0	85,6	77,2
Muối biển	Nghìn tấn	25,6	27,7	144,8	122,2	81,0
Tôm đông lạnh	Tấn	886,2	1.500,0	6.773,6	106,6	139,5
Hạt điều khô	Tấn	365,7	370,8	2.064,1	131,2	88,0
Tinh bột sắn, bột dong riềng	Nghìn tấn	-	-	5,1	-	68,2
Tinh bột khác	Nghìn tấn	0,03	0,03	0,1	113,2	137,4
Đường RS	Nghìn tấn	-	-	6,1	-	82,8
Thạch nha đăm	Tấn	757,4	1.210,0	7.149,6	148,1	131,0
Muối chế biến (muối iốt, muối tinh, muối xay, bột canh, bột gia vị...)	Nghìn tấn	3,2	4,3	28,9	82,8	75,5
Bia đóng lon	1000 lít	2.703,0	3.000,0	23.375,0	75,5	106,0
Nước yến và nước bổ dưỡng khác	1000 lít	261,3	148,6	854,5	323,9	186,0
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	79,8	85,1	649,8	93,7	124,6
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	380,0	400,0	2.884,0	83,2	94,8
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	296,1	302,5	1.529,2	183,8	122,4
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	-	-	-	-	-
Bao bì đóng gói khác bằng plastic	Tấn	32,1	53,6	498,2	142,9	100,0
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	Triệu viên	7,6	7,8	45,0	181,8	107,5
Xi măng Portland đen	Nghìn tấn	12,9	12,4	95,0	95,1	78,9
Các loại đá lót, đá lót lề đường và phiến đá lót đường, băng đá tự nhiên (trừ đá phiến)	Nghìn m <sup>2</sup>	10,1	11,2	36,7	125,0	50,4
Điện sản xuất	Triệu KWh	584,3	534,3	4.053,5	108,8	106,5
- Thủy điện	Triệu KWh	135,2	115,3	867,6	110,6	112,2
- Điện gió	Triệu KWh	45,6	65,4	578,1	271,9	153,8
- Điện mặt trời	Triệu KWh	403,4	353,6	2.607,9	97,5	98,1
Điện thương phẩm	Triệu KWh	72,2	75,8	450,7	111,5	107,4
Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	2.201,6	2.194,4	14.710,9	101,7	103,8

#### 4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 7 năm 2022

	Thực hiện tháng 6 năm 2022	Ước tính tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm 2022 (%)	Tỷ đồng Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>127,9</b>	<b>132,8</b>	<b>972,9</b>	<b>39,2</b>	<b>126,3</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>80,1</b>	<b>92,8</b>	<b>584,6</b>	<b>33,9</b>	<b>104,3</b>
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	28,8	19,1	142,1	47,2	106,6
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>0,1</i>	<i>0,7</i>	<i>3,0</i>	<i>3,4</i>	<i>29,7</i>
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	32,2	40,3	310,7	66,0	141,7
Vốn nước ngoài (ODA)	13,7	22,3	100,0	14,1	71,9
Xổ số kiến thiết	1,8	1,0	11,0	52,4	42,8
Vốn khác	3,7	10,1	20,9	9,5	48,3
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>47,8</b>	<b>40,0</b>	<b>388,3</b>	<b>50,9</b>	<b>186,8</b>
Vốn cân đối ngân sách huyện	28,9	16,8	158,9	56,9	129,9
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>13,6</i>	<i>15,9</i>	<i>79,6</i>	<i>44,0</i>	<i>139,2</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	16,9	21,5	214,8	49,4	296,5
Vốn khác	2,0	1,7	14,7	30,0	111,8
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

## 5. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7 năm 2022

	<i>Tỷ đồng</i>				
	Thực hiện tháng 6 năm 2022	Ước tính tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.220,5</b>	<b>2.249,7</b>	<b>14.932,7</b>	<b>169,4</b>	<b>125,7</b>
Lương thực, thực phẩm	852,5	886,0	6.099,3	134,4	113,4
Hàng may mặc	83,8	85,5	557,2	276,7	109,4
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	142,4	147,8	993,1	271,8	130,7
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	11,6	12,3	84,1	186,3	120,7
Gỗ và vật liệu xây dựng	239,1	247,9	1.529,2	144,1	121,9
Ô tô các loại	3,1	4,8	21,2	736,3	120,1
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	90,6	100,3	715,0	295,7	115,2
Xăng, dầu các loại	566,3	525,9	3.363,8	215,6	175,6
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	45,4	43,2	303,3	151,3	130,3
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	38,8	37,7	272,5	236,9	107,4
Hàng hóa khác	122,0	131,5	835,7	177,0	114,1
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	24,9	27,0	158,1	347,8	117,2

**6. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác  
tháng 7 năm 2022**

	Thực hiện	Ước tính	Cộng dồn	<i>Tỷ đồng</i>	
				tháng 7	Cộng dồn từ đầu
	tháng 6	tháng 7	từ đầu năm	năm 2022	năm đến cuối
	năm	năm	đến cuối	so với	kỳ báo cáo
	2022	2022	tháng 7	cùng kỳ	so với cùng kỳ
			năm 2022	năm trước (%)	năm trước (%)
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>360,6</b>	<b>367,9</b>	<b>2.194,0</b>	<b>333,7</b>	<b>132,6</b>
Dịch vụ lưu trú	32,1	33,3	177,6	596,9	161,4
Dịch vụ ăn uống	328,5	334,6	2.016,4	319,7	130,5
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>0,7</b>	<b>0,8</b>	<b>2,5</b>	<b>-</b>	<b>183,7</b>
<b>Dịch vụ khác</b>	<b>192,1</b>	<b>194,4</b>	<b>1.301,7</b>	<b>317,5</b>	<b>132,0</b>



## 7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7 năm 2022

	Tháng 7 năm 2022 so với:				%
	Kỳ gốc	Cùng kỳ	Tháng 12	Tháng	Chỉ số giá bình quân 7 tháng năm báo cáo so với cùng kỳ năm trước
		năm trước	năm trước	trước	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG</b>	<b>108,93</b>	<b>104,10</b>	<b>103,33</b>	<b>100,62</b>	<b>103,01</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	106,41	100,37	100,50	101,08	98,67
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	105,64	93,72	99,48	100,55	91,29
Thực phẩm	103,88	100,10	99,10	101,29	98,14
Ăn uống ngoài gia đình	111,86	103,61	103,70	100,89	102,83
Đồ uống và thuốc lá	110,47	105,55	103,54	100,00	105,21
May mặc, giày dép và mũ nón	111,62	110,39	107,27	101,24	107,72
Nhà ở và vật liệu xây dựng	115,80	107,43	106,38	101,24	108,40
Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,33	103,75	102,94	100,52	102,61
Thuốc và dịch vụ y tế	102,92	101,26	100,90	100,04	100,79
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	101,93	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	117,54	116,84	112,70	98,58	115,70
Bưu chính viễn thông	101,47	99,24	99,24	100,25	100,87
Giáo dục	111,71	101,97	101,94	100,00	100,90
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	112,53	101,97	101,97	100,00	100,70
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,90	104,72	104,52	100,38	104,25
Hàng hóa và dịch vụ khác	111,24	105,13	105,04	100,70	102,65
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>137,15</b>	<b>102,60</b>	<b>101,89</b>	<b>97,56</b>	<b>102,33</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>103,95</b>	<b>103,79</b>	<b>102,42</b>	<b>100,75</b>	<b>100,69</b>

## 8. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 7 năm 2022

	<i>Tỷ đồng</i>				
	Ước tính tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	tháng 7 năm 2022 so với tháng trước (%)	tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>200,6</b>	<b>884,2</b>	<b>131,0</b>	<b>323,0</b>	<b>143,9</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>42,0</b>	<b>213,2</b>	<b>118,3</b>	<b>367,4</b>	<b>154,0</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	42,0	213,2	118,3	367,4	154,0
Hàng không	-	-			
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>153,5</b>	<b>637,2</b>	<b>135,8</b>	<b>306,2</b>	<b>139,6</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	153,5	637,2	135,8	306,2	139,6
Hàng không	-	-			
<b>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>5,1</b>	<b>33,7</b>	<b>109,7</b>	<b>935,6</b>	<b>172,7</b>

## 9. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 7 năm 2022

	Ước tính tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	tháng 7 năm 2022 so với tháng trước (%)	tháng 7 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu HK)</b>	<b>0,6</b>	<b>3,4</b>	<b>120,6</b>	<b>354,4</b>	<b>151,0</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	0,6	3,4	120,6	354,4	151,0
Hàng không	-	-			
<b>II. Luân chuyển (Triệu lượt HK.km)</b>	<b>45,0</b>	<b>253,1</b>	<b>116,9</b>	<b>336,2</b>	<b>146,8</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	45,0	253,1	116,9	336,2	146,8
Hàng không	-	-			
<b>B. HÀNG HOÁ</b>					
<b>I. Vận chuyển (Triệu tấn)</b>	<b>1,4</b>	<b>5,5</b>	<b>134,1</b>	<b>313,7</b>	<b>137,9</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	1,4	5,5	134,1	313,7	137,9
Hàng không	-	-			
<b>II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)</b>	<b>94,9</b>	<b>401,6</b>	<b>132,1</b>	<b>303,2</b>	<b>135,2</b>
Đường sắt	-	-			
Đường biển	-	-			
Đường thủy nội địa	-	-			
Đường bộ	94,9	401,6	132,1	303,2	135,2
Hàng không	-	-			

## 10. Trật tự, an toàn xã hội tháng 7 năm 2022

	Sơ bộ tháng 7 năm 2022	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 7 năm 2022	tháng 7 năm báo cáo so với tháng trước (%)	tháng 7 năm b.cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>					
<b>Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)</b>	<b>13</b>	<b>79</b>	<b>130,0</b>	<b>144,4</b>	<b>90,8</b>
Đường bộ	13	78	130,0	144,4	89,7
Đường sắt	-	1	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người chết (Người)</b>	<b>5</b>	<b>30</b>	<b>125,0</b>	<b>100,0</b>	<b>75,0</b>
Đường bộ	5	30	125,0	100,0	75,0
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Số người bị thương (Người)</b>	<b>12</b>	<b>73</b>	<b>150,0</b>	<b>171,4</b>	<b>91,3</b>
Đường bộ	12	72	150,0	171,4	90,0
Đường sắt	-	1	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Cháy, nổ</b>					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	1	3	-	-	100,0
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	40,0	192,0	-	-	96,7